CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc
Số: 1101 /2026/BC-SHS	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 10/2026** như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 10/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	ACL		AAA
2	ACB	BHN		ACB
3	ACG	BRC		ACG
4	ACL	BTP		ADS
5	ADS	CLC		AFX
6	AFX	CTF		AGG
7	AGG	CVT		AGR
8	AGR	DMC		ANT
9	ANT	FIR		ANV
10	ANV	FIT		ASM
11	ASM	HAR		AST
12	AST	HMC		BAF
13	BAF	HPX		BCM
14	BCM	HUB		BFC
15	BFC	KHP		BIC
16	BHN	KOS		BID
17	BIC	NBB		BKG
18	BID	SHP		BMP
19	BKG	SJS		BSI
20	BMP	TBC		BSR
21	BRC	TCT		BVH
22	BSI	TMP		BWE
23	BSR	TMS		CDC
24	BTP	VDP		CHP
25	BVH	VNL		CII

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	BWE	VRC		CKG
27	CDC			CLL
28	CHP			CMG
29	CII			CNG
30	CKG			CRC
31	CLC			CRE
32	CLL			CSM
33	CMG			CSV
34	CNG			CTD
35	CRC			CTG
36	CRE			CTI
37	CSM			CTR
38	CSV			CTS
39	CTD			D2D
40	CTF			DBC
41	CTG			DBD
42	CTI			DC4
43	CTR			DCL
44	CTS			DCM
45	CVT			DGW
46	D2D			DHA
47	DBC			DHC
48	DBD			DHG
49	DC4			DIG
50	DCL			DPG
51	DCM			DPM
52	DGW			DPR
53	DHA			DRC
54	DHC			DRL
55	DHG			DSE
56	DIG			DSN
57	DMC			DVP
58	DPG			DXG
59	DPM			DXS
60	DPR			EIB
61	DRC			ELC
62	DRL			EVF
63	DSE			EVG
64	DSN			FCN
65	DVP			FMC
66	DXG			FPT
67	DXS			FRT
68	EIB			FTS
69	ELC			GAS
70	EVF			GEE
71	EVG			GEG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
72	FCN			GEL
73	FIR			GEX
74	FIT			GHC
75	FMC			GMD
76	FPT			GSP
77	FRT			GVR
78	FTS			HAG
79	GAS			HAH
80	GEE			HAX
81	GEG			HCM
82	GEL			HDB
83	GEX			HDC
84	GHC			HDG
85	GMD			HHP
86	GSP			HHS
87	GVR			HHV
88	HAG			HII
89	HAH			HPA
90	HAR			HPG
91	HAX			HQC
92	HCM			HSG
93	HDB			HSL
94	HDC			HT1
95	HDG			HTG
96	HHP			HTI
97	HHS			HTN
98	HHV			HVH
99	HII			IDI
100	HMC			IJC
101	HPA			ILB
102	HPG			IMP
103	HPX			ITC
104	HQC			KBC
105	HSG			KDC
106	HSL			KDH
107	HT1			KHG
108	HTG			KSB
109	HTI			LBM
110	HTN			LCG
111	HUB			LHG
112	HVH			LIX
113	IDI			LPB
114	IJC			LSS
115	ILB			MBB
116	IMP			MCH
117	ITC			MCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
118	KBC			MIG
119	KDC			MSB
120	KDH			MSH
121	KHG			MSN
122	KHP			MWG
123	KOS			NAB
124	KSB			NAF
125	LBM			NCT
126	LCG			NHH
127	LHG			NKG
128	LIX			NLG
129	LPB			NNC
130	LSS			NT2
131	MBB			NTC
132	MCH			NTL
133	MCM			NVL
134	MIG			OCB
135	MSB			OPC
136	MSH			ORS
137	MSN			PAC
138	MWG			PAN
139	NAB			PC1
140	NAF			PDN
141	NBB			PDR
142	NCT			PET
143	NHH			PGC
144	NKG			PGD
145	NLG			PGI
146	NNC			PHC
147	NT2			PHR
148	NTC			PLX
149	NTL			PNJ
150	NVL			POW
151	OCB			PPC
152	OPC			PTB
153	ORS			PTC
154	PAC			PVD
155	PAN			PVP
156	PC1			PVT
157	PDN			QCG
158	PDR			RAL
159	PET			REE
160	PGC			RYG
161	PGD			SAB
162	PGI			SAM
163	PHC			SBA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
164	PHR			SBT
165	PLX			SCR
166	PNJ			SCS
167	POW			SGN
168	PPC			SGR
169	PTB			SHB
170	PTC			SHI
171	PVD			SIP
172	PVP			SJD
173	PVT			SKG
174	QCG			SMB
175	RAL			SRC
176	REE			SSB
177	RYG			SSI
178	SAB			STB
179	SAM			SZC
180	SBA			SZL
181	SBT			TAL
182	SCR			TCB
183	SCS			TCH
184	SGN			TCI
185	SGR			TCL
186	SHB			TCM
187	SHI			TCO
188	SHP			TCX
189	SIP			TDC
190	SJD			TDM
191	SJS			TDP
192	SKG			TEG
193	SMB			THG
194	SRC			TIP
195	SSB			TLD
196	SSI			TLG
197	STB			TN1
198	SZC			TNI
199	SZL			TNT
200	TAL			TPB
201	TBC			TRA
202	TCB			TRC
203	TCH			TTA
204	TCI			TV2
205	TCL			TVB
206	TCM			TVS
207	TCO			VAB
208	TCT			VCB
209	TCX			VCG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
210	TDC			VCI
211	TDM			VCK
212	TDP			VDS
213	TEG			VFG
214	THG			VGC
215	TIP			VHC
216	TLD			VHM
217	TLG			VIB
218	TMP			VIC
219	TMS			VIP
220	TN1			VIX
221	TNI			VJC
222	TNT			VND
223	TPB			VNM
224	TRA			VOS
225	TRC			VPB
226	TTA			VPI
227	TV2			VPL
228	TVB			VPX
229	TVS			VRE
230	VAB			VSC
231	VCB			VSH
232	VCG			VTO
233	VCI			VTP
234	VCK			VVS
235	VDP			YEG
236	VDS			
237	VFG			
238	VGC			
239	VHC			
240	VHM			
241	VIB			
242	VIC			
243	VIP			
244	VIX			
245	VJC			
246	VND			
247	VNL			
248	VNM			
249	VOS			
250	VPB			
251	VPI			
252	VPL			
253	VPX			
254	VRC			
255	VRE			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
256	VSC			
257	VSH			
258	VTO			
259	VTP			
260	VVS			
261	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 10/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB	BAX		BAB
2	BAX	BCF		BVS
3	BCF	CLH		C69
4	BVS	CTB		CAP
5	C69	EVS		CEO
6	CAP	GIC		CSC
7	CEO	GMX		CST
8	CLH	HJS		DNP
9	CSC	HMR		DP3
10	CST	INN		DTD
11	CTB	NET		DXP
12	DNP	NFC		HUT
13	DP3	NTH		HVT
14	DTD	PBP		IDC
15	DXP	PCE		IDV
16	EVS	PGS		IPA
17	GIC	PPT		KSF
18	GMX	PSW		KSV
19	HJS	PVG		L18
20	HMR	S99		L40
21	HUT	SGC		LAS
22	HVT	SZB		LHC
23	IDC	TA9		MAC
24	IDV	TDT		MBG
25	INN	TFC		MBS
26	IPA	TTT		MDC
27	KSF	TV4		MST
28	KSV	VBC		MVB
29	L18	VHE		NAG
30	L40	VNF		NBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
31	LAS	WCS		NDN
32	LHC			NTP
33	MAC			PCH
34	MBG			PLC
35	MBS			PMC
36	MDC			PSD
37	MST			PSI
38	MVB			PVB
39	NAG			PVC
40	NBC			PVI
41	NDN			PVS
42	NET			SCG
43	NFC			SJE
44	NTH			SLS
45	NTP			TD6
46	PBP			TIG
47	PCE			TMB
48	PCH			TNG
49	PGS			TPP
50	PLC			TVD
51	PMC			VC3
52	PPT			VC7
53	PSD			VCS
54	PSI			VFS
55	PSW			VGS
56	PVB			VNR
57	PVC			VTZ
58	PVG			
59	PVI			
60	PVS			
61	S99			
62	SCG			
63	SGC			
64	SJE			
65	SLS			
66	SZB			
67	TA9			
68	TD6			
69	TDT			
70	TFC			
71	TIG			
72	TMB			
73	TNG			
74	TPP			
75	TTT			
76	TV4			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
77	TVD			
78	VBC			
79	VC3			
80	VC7			
81	VCS			
82	VFS			
83	VGS			
84	VHE			
85	VNF			
86	VNR			
87	VTZ			
88	WCS			

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 10/2026 là:

https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-102026

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập	Kiểm soát	TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Mây	Đào Thị Hay	PHÓ GIÁM ĐỐC TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH Lê Thị Hoài Thu

S.G.P: 66 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI